TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:69/2023/DS-PT
Ngày 31 tháng 03 năm 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 182, ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Ông Lý S, sinh năm 1962 (có mặt)

2.2. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Số 183 ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị Hoàng: Ông Lý S, (theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 03 năm 2020) (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Lý S1, sinh năm 1991 (vắng mặt)

3.2. Anh Lý Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà Ngô Hồng H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp Sóc Đ, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Số 182, ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Hồng H: Ông Nguyễn Văn B, (theo văn bản ủy quyền 04 tháng 01 năm 2022) (có mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960

3.5. Chị Sơn Thị C, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.6. Chị Sơn Thị Thùy T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.7. Chị Sơn Thị N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

3.8. Chị Sơn Thị Hồng Y, sinh năm 1987 (vắng mặt)

3.9. Chị Sơn Bé B, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1: Ông Nguyễn Văn B (theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2022) (có mặt).

3.10. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bưng X, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

3.11. Bà Phạm Kiều P, sinh năm 1966

3.12. Anh Nguyễn Đang T1, sinh năm 1989

3.13. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Số 08 Ấp Vĩnh M, xã Vĩnh T, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Kiều P, anh Nguyễn Đang T1, anh Nguyễn Thế H: Ông Nguyễn Văn B (theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 30 tháng 11 năm 2021) (có mặt).

3.14. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An Trạch Đ, xã Vĩnh T, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

3.15. Bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị U), sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh L, xã Vĩnh T, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu.

3.16. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Công Đ, xã Vĩnh T, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

3.17. Ông Huỳnh T2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

3.18. Bà Trương Thị C, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

3.19. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ký Trọng N (theo văn bản ủy quyền số 20/GUQ ngày 30 tháng 9 năm 2021) (vắng mặt).

3.20. Ủy ban nhân dân xã Hưng H, huyện Vĩnh L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tăng Văn T4, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B và là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Hồng H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ ông B là ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Thị Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S1 vào năm

1986 với diện tích 1.200m^2, đất tọa lạc tại ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, có lập Giấy san đất nền nhà ngày 25 tháng 02 năm 1989. Năm 1995, ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 27.610m^2, trong đó có diện tích 1.200m^2 tại thửa 0606 tờ bản đồ số 03 đất thổ cư và lập vườn là phần đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông S1. Năm 1992, cha mẹ của ông B đã cho vợ chồng ông Lý S và bà Thạch Thị H mượn đất chiều ngang 4m, chiều dài 10m để cất nhà ở. Đến năm 2007, ông S xây nhà phụ giáp phần đất mượn và lấn chiếm đất chiều ngang 02m, chiều dài 10m.

Năm 2002, ông L chết và các anh em trong gia đình đồng ý cho Ông B đứng tên quyền sử dụng đất của cha mẹ. Năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L cấp quyền sử dụng đất cho Ông B diện tích 900,6m^2 tại thửa 967 tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 598817 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008. Thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ông B không kê khai phần đất của ông S sử dụng, nếu kê khai đất của ông S sử dụng thì Ông B không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010, ông S tiếp tục sửa lại căn nhà phụ chiều ngang 02m, chiều dài 10m nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Ông B yêu cầu ông S và bà H tháo dỡ căn nhà phụ để trả lại đất lấn chiếm chiều ngang 02m, chiều dài 10m. Ngày 19 tháng 11 năm 2021, ông B thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông S và bà H tháo dỡ căn nhà phụ để trả lại đất lấn chiếm có diện tích 14,7m^2 và diện tích 3,3m^2 theo kết quả đo đạc thực tế ngày 26 tháng 5 năm 2020. Đối với phần đất diện tích 32,4m^2 có căn nhà chính của ông S, bà H thì Ông B không tranh chấp do đã cho mượn ở.

Đồng bị đơn ông Lý S, là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà Thạch Thị H trình bày: Phần đất tranh chấp trước đây là con sông cũ được ông Huỳnh T2 và bà Trương Thị C bồi đắp cất nhà ở, phần đất giáp nhà của ông S. Vào năm 1988, ông T và bà C dời nhà đi nơi khác sinh sống và cho đất vợ chồng ông S. Khoảng năm 1991, ông S cất nhà tạm trên phần đất mà ông T, bà C cho, khi đó Ông B không có ý kiến. Đến năm 2003, Ông B dự định bán đất thì mới phát sinh tranh chấp với ông S đến nay. Hiện phần đất tranh chấp diện tích 14,7m^2 có căn nhà phụ do vợ chồng ông S sử dụng cùng con là anh Lý S1 và anh Lý Q, còn diện tích đất tranh chấp 3,3m^2 vợ chồng ông S để trống. Do đất tranh chấp thuộc hành lang an toàn lộ giới nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tranh chấp không phải là đất của Ông B nên vợ chồng ông S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T và bà Trương Thị C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2021: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là con sông cũ do ông T, bà C bồi đắp thành nền để cất nhà chiều ngang 06m, chiều dài khoảng 14m. Đất giáp với nhà của ông S ở hiện không tranh chấp với Ông B và giáp với đất của Ông B không tranh chấp. Khoảng năm 1988 -1989, ông T và bà C đi nơi khác sống và cho đất ông S chiều ngang 02m chiều dài hết đất, chiều ngang 04m còn lại để trống và hiện Ông B sử dụng. Phần đất mà ông T và bà C cho ông S là đất hiện có căn nhà phụ của ông S đang tranh chấp với Ông B. Do ông T, bà C đã cho đất ông S và bà H sử dụng nên ông T, bà C không liên quan trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 7 năm 2022: Bà H1 là con của ông Nguyễn Văn L, là vợ của ông Sơn S. Ông S1 chết vào ngày 26/12/2021. Ông S1 và bà H1 có các người con gồm chị Sơn Thị C, chị Sơn Thị Thùy T, chị Sơn Thị N, chị Sơn Thị Hồng Y, chị Sơn Bé B. Trước đây phía trước nhà của bà H1 và trước nhà của ông L có con sông. Vào thời gian nào không nhớ, ông T và bà C cất nhà sàn trên sông giáp đất của bà H1, sau đó vợ chồng ông S về sống tại vị trí nhà của ông T và bà C. Phần đất hiện ông S đang sử dụng không phải là đất của ông S1 và bà H1, không biết lý do gì ông S1 đứng tên sổ mục kê tại thửa 965 tờ bản đồ số 5. Đối với phần đất của ông L, bà Đ thì các anh em trong gia đình đã thống nhất cho Ông B. Bà H1 không yêu cầu đối với phần đất của Ông B đứng tên và phần đất tranh chấp giữa Ông B với ông S.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị V cùng trình bày tại các biên bản lấy lời khai các ngày 19, 21, 26 tháng 10 năm 2021: Các ông bà là con của ông L và bà Đ. Ông L chết năm 2002 và bà Lâm Thị Đ chết năm 2010. Ông L và bà Đ có 07 người con gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn B. Sau khi ông L chết, bà Đ cùng các con của ông L thống nhất cho Ông B đứng tên phần đất của ông L, bà Đ. Sau đó, Ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các ông bà không yêu cầu đối với phần đất của Ông B đứng tên và phần đất tranh chấp giữa Ông B với ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kiều P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2021: Bà P là vợ của ông Nguyễn Văn C, ông C là con của ông L và bà Đ. Ông C chết vào năm 2014. Ông C và bà P có con là anh Nguyễn Đang T1, anh Nguyễn Thế H. Vào năm 1987, ông C và bà P kết hôn với nhau. Sau đó, ông C về sống với bà P tại xã Vĩnh T, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có nguồn gốc của ông L hiện Ông B đang sử dụng và không liên quan đến gia đình của bà P. Bà P không yêu cầu đối với phần đất của Ông B đứng tên và phần đất tranh chấp giữa Ông B với ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L trình bày tại Công văn số 2542/UBND-NC ngày 02 tháng 8 năm 2021 và số 05/UBND-NC ngày 05 tháng 01 năm 2022: Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 598817 cấp ngày 28/4/2008 cho ông Nguyễn Văn B tại thửa 967 tờ bản đồ 05 là cấp theo Luật Đất đai năm 2003, có kèm trích lục ngày 23/8/2008 của Ủy ban nhân dân xã Hưng H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L được cấp theo trích lục bản đồ không ảnh năm 1987 và không đo đạc thực tế. Do không còn lưu hồ sơ dữ liệu bản đồ không ảnh năm 1987 và sổ mục kê năm 1987 nên không có cơ sở xác định thửa 967 tờ bản đồ số 5 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông B là thửa đất nào trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L. Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, phần đất tranh chấp diện tích 14,7m^2 và diện tích 3,3m^2 không nằm trong quy hoạch dự án, đất tranh chấp là đất nằm trong hành lang an toàn lộ giới tỉnh lộ 976 16m tính từ tim lộ. Đất tranh

chấp không phải là đất công, nếu Tòa án có đủ cơ sở để xem xét giao cho đương sự đúng quy định thì Ủy ban nhân dân không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Hưng H, huyện Vĩnh L trình bày tại Công văn số 43/CV-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021: Phần đất tranh chấp giữa Ông B với ông S là đất nằm trong hành lang an toàn lộ giới tỉnh lộ 976 thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân huyện. Ủy ban nhân dân không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ông B đối với ông S.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với ông Lý S và bà Thạch Thị H, về yêu cầu ông Lý S và bà Thạch Thị H tháo dỡ nhà, trả lại diện tích đất 14,7m^2 và diện tích đất 3,3m^2; đất tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu. Đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

- Diện tích đất 14,7m^2 (phần thứ nhất) , tuyên tứ cạnh kèm theo.

- Diện tích đất 3,3m^2 (phần đất thứ ba) tuyên tứ cạnh kèm theo.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông S, bà H di dời tài sản trả lại cho ông quyền sử dụng 14,7 m^2 và 3,3 m^2 toạ lạc tại ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Ông S giữ nguyên ý kiến đã trình bày, đề nghị giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B trong thời hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự khác đã được Toà án triệu tập lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Ông B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông S, bà H di dời tài sản trả lại cho ông quyền sử dụng 14,7 m^2 và 3,3 m^2 đất toạ lạc tại ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26 tháng 05 năm 2020 và mảnh trích đo địa chính ngày 03 tháng 7 năm 2020 do Văn phòng đăng ký đai đai tỉnh Bạc Liêu cung cấp, đất tranh chấp gồm phần thứ nhất diện tích 14,7m^2 và phần thứ ba diện tích đất 3,3m^2; còn phần thứ hai diện tích 32,4 m^2 hiện ông S sử dụng không tranh chấp và phần thứ tư diện tích 902.9m^2 hiện Ông B sử dụng không tranh chấp. Đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

- Diện tích đất 14,7m^2 (phần thứ nhất) có vị trí và số đo:

Hướng Đông giáp đất của ông S đang sử dụng không tranh chấp (phần thứ hai) số đo 7,48m.

Hướng Tây giáp đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ ba) số đo 7,23m.

Hướng Bắc giáp lộ số đo 2,0m.

Hướng Nam giáp đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ ba) số đo 2,0m.

Hiện trạng trên đất có căn nhà tạm diện tích 14,7m^2 có kết cấu cột cây gỗ địa pH1, nền xi măng, vách thiết mái fribrociment, do ông S và bà H sử dụng.

- Diện tích đất 3,3m^2 (phần thứ ba) có vị trí và số đo:

Hướng Đông giáp đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ nhất) và đất của bà Sơn Thị Hồng Y số đo 7,23m; 0,25m.

Hướng Tây giáp đất của Ông B sử dụng (phần thứ tư) số đo 7,40m.

Hướng Bắc giáp lộ, đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ nhất) và đất ông S sử dụng không tranh chấp (phần thứ hai) số đo 0,30m; 2,00m; 4,27m.

Hướng Nam giáp đất của Ông B sử dụng (phần thứ 4) số đo 3,33m; 3,08m.

Hiện trạng đất trống do ông S và bà H quản lý, sử dụng.

[2.2] Tại phiên toà phúc thẩm Ông B xác định đất tranh chấp trước đây là con kênh nhỏ, trước nhà ông S1. Sau đó, ông S1 lấp phần kênh trước nhà ông S1 và S1 nhượng luôn phần đất san lấp kênh này cho cha mẹ ông; sau này cha mẹ ông đã cho ông phần đất S1 nhượng từ ông S1. Vì vậy, đất này thuộc quyền sử dụng của ông, không phải của ông S. Do ông S1 đã chết nên Ông B yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác minh ông Nguyễn Văn H là con của ông S1. Tại biên bản

xác minh ông H ngày 14 tháng 7 năm 2022, ông H xác định phần đất gia đình ông H chuyển nhượng cho ông L không bao gồm phần đất ông Lý S đang sử dụng, phần đất ông S sử dụng là con sông cũ do ông Huỳnh T2 bồi đắp cất nhà ở sau đó cho ông S sử dụng. Thấy rằng, lời khai của ông H phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Lâm C, ông Triệu Xà L, ông Lê Văn H là phần đất tranh chấp giữa Ông B với ông S là con sông, quá trình sử dụng đất ông Huỳnh T2 bồi đắp cất nhà ở và cho ông S sử dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp diện tích 14,7m^2 và diện tích 3,3m^2 có nguồn gốc của ông L nhận chuyển nhượng của ông S1.

[2.3] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 22865 cấp ngày 30 tháng 4 năm 1995 cho ông Nguyễn Văn L, diện tích 27.610m^2 thuộc các thửa 0606, 0607 cùng tờ bản đồ số 3, các thửa 0151, 0165 cùng tờ bản đồ số 5 và thửa 0166 tờ bản đồ số 6. Ông B cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong diện tích 1.200m^2 thuộc thửa 0606 do ông L đứng tên. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L được cấp theo trích lục bản đồ không ảnh năm 1987, thời điểm cấp giấy không đo đạc thực tế; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông B được cấp dựa trên bản đồ năm 1997, do không còn còn lưu trữ hồ sơ dữ liệu bản đồ không ảnh năm 1987 và sổ mục kê vào thời điểm năm 1987 nên Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L không có sơ sở xác định thửa 967 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông B là thửa đất nào trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L.

[2.4] Mặt khác, Ông B cho rằng vào năm 2012, Ông B khởi kiện ông S yêu cầu ông S trả đất diện tích 63,36m^2 thuộc thửa 965 tờ bản đồ số 5, là phần đất hiện ông S sử dụng không tranh chấp và đất hiện đang tranh chấp với ông S. Căn cứ vào hồ sơ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 18/2012/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2012 do Tòa án thu thập, thể hiện diện tích 63,36m^2 thuộc thửa 965 tờ bản đồ số 5 do ông Sơn V (S) đứng tên trong sổ mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời khai của ông Sơn S ngày 08 tháng 8 năm 2012 và lời khai của bà Nguyễn Thị H1 ngày 07 tháng 7 năm 2022, đều xác định phần đất ông Lý S đang sử dụng chỉ giáp ranh với đất của ông S và bà H1, không phải là đất của ông S và bà H1.

[2.5] Theo Công văn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh L số 250/TNMT ngày 09 tháng 11 năm 2020, thể hiện đất tranh chấp có diện tích 14,7m^2 và 3,3m^2 thuộc phạm vi ranh giới giữa thửa 967 và thửa 966 cùng tờ bản đồ số 5, do diện tích nhỏ nên không xác định đất tranh chấp thuộc thửa đất nào. Tại Công văn số 2542/UBND-NC ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, thể hiện phần đất tranh chấp giữa Ông B với ông S là đất nằm trong hành lang an toàn lộ giới tỉnh lộ 976 và đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là đất công.

[2.6] Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*.

...

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."

Như vậy, trong vụ án này, Ông B không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh diện tích đất đang tranh chấp (14,7m^2 và 3,3 m^2) thuộc quyền sử dụng ông. Từ đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông B đối với ông S, bà H về yêu cầu ông S, bà H tháo dỡ nhà để trả lại diện tích đất 14,7m^2 và diện tích 3,3m^2 là phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với ông Lý S và bà Thạch Thị H, về yêu cầu ông Lý S và bà Thạch Thị H tháo dỡ nhà, trả lại diện tích đất 14,7m^2 và diện tích đất 3,3m^2; đất tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu. Đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

- Diện tích đất 14,7m^2 (phần thứ nhất) có vị trí và số đo:

Hướng Đông giáp đất của ông S đang sử dụng không tranh chấp (phần thứ hai) số đo 7,48m.

Hướng Tây giáp đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ ba) số đo 7,23m.

Hướng Bắc giáp lộ số đo 2,0m.

Hướng Nam giáp đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ ba) số đo 2,0m.

- *Diện tích đất 3,3m^2 (phần thứ ba) có vị trí và số đo:*

Hướng Đông giáp đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ nhất) và đất của bà Sơn Thị Hồng Y số đo 7,23m; 0,25m.

Hướng Tây giáp đất của Ông B sử dụng (phần thứ tư) số đo 7,40m.

Hướng Bắc giáp lộ, đất ông S sử dụng tranh chấp (phần thứ nhất) và đất ông S sử dụng không tranh chấp (phần thứ hai) số đo 0,30m; 2,00m; 4,27m.

Hướng Nam giáp đất của Ông B sử dụng (phần thứ 4) số đo 3,33m; 3,08m.

(Mãnh trích đo địa chính thửa đất là phần không thể tách rời bản án).

2. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 2.117.980 đồng, ông Nguyễn Văn B phải chịu, ông Nguyễn Văn B đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng số 0005149 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L được chuyển thu án phí.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Ông B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001157 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh L;
- CCTHADS huyện Vĩnh L;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Trần Quỳnh Phương